

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 9 - 2024.

V/v ly hôn giữa chị Hảo và anh Hoàng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Anh Đồng Xuân H1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, anh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng chị H có đơn xin không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đồng Xuân H1 vào tháng 6/1991 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 ham chơi dẫn đến nợ nần. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị sống ly thân từ

năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H1 không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩ Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Xuân H1.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đồng Thị H2, sinh ngày 26/3/1992 và cháu Đồng Văn H3, sinh ngày 14/9/1994. Hiện các con đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đồng Xuân H1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Lời khai của anh Đồng Xuân H1 tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào tháng 6/1991 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ Việc mâu thuẫn của vợ chồng là có và đã ly thân từ lâu. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh muốn ly hôn vì để các con các cháu có bố mẹ và ông bà còn chị H quyết tâm xin ly hôn anh thì tùy chị H.

Về con chung: Giữa anh và chị H có hai con chung là cháu Đồng Thị H2, sinh ngày 26/3/1992 và cháu Đồng Văn H3, sinh ngày 14/9/1994. Hiện các con đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân H1 đều cư trú tại huyện N tỉnh Nam Định. Nay chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Đồng Xuân H1 thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩ Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân H1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H1 là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân H1 vào tháng 6 năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy

định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm không hiểu nhau. Vợ chồng chị H anh H1 sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh H1 không nhất trí ly hôn vì để các con các cháu có bố mẹ và ông bà còn chị H quyết tâm xin ly hôn anh thì tùy chị H.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin ly hôn anh H1 nên được chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân H1 đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Đồng Thị H2, sinh ngày 26/3/1992 và cháu Đồng Văn H3, sinh ngày 14/9/1994. Hiện cháu H2 và cháu H3 đã trưởng thành tự lập được nên chị H anh H1 không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân H1 đều thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đồng Xuân H1.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001450 ngày 02/8/20234 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tỉnh.
- VKSND huyện.
- THADS huyện.
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Phạm Văn Chung